TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
"V/v tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.
2. Ông Nguyễn Hữu Sang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Dương Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/9/2022 và 29/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn*:
+ Bà Lê Thị V, sinh năm 1957 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).
Trú tại: Thôn G1, xã G, T, Bình Định
+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1955 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu)
+ Ông Lê Hồng V1, sinh năm 1964 (Có mặt).
+ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1968 (Có mặt).
+ Ông Lê Hồng P, sinh năm 1970 (Có mặt).
Đồng trú tại: Thôn G2, xã G, T,, Bình Định
+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1969 (Có mặt)
Trú tại: Thôn TG2, xã G, T, Bình Định

- *Bị đơn*: Ông Lê Hồng V2, sinh năm 1957 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).
Trú tại: Thôn G2, xã G, T, Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1971 (Có mặt).
+ Anh Lê Hữu P2, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).
Đồng trú tại: Thôn G2, xã G, T, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các đồng nguyên đơn bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Hồng V1, bà Lê Thị Q1, ông Lê Hồng P1, bà Lê Thị H1 trình bày: các ông bà là con của ông Lê T (chết năm 2013) và bà Võ Thị L (chết năm 2004). Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại của ông đã chết. Cha mẹ các ông bà có 07 người con là:

+ Bà Lê Thị V, sinh năm 1957
+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1955
+ Ông Lê Hồng V1, sinh năm 1964
+ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1968
+ Ông Lê Hồng P, sinh năm 1970
+ Ông Lê Hồng V2, sinh năm 1957
+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1969

Ngoài ra, cha mẹ các ông bà không có con nuôi con riêng nào khác.

Cha, mẹ của các ông bà để lại di sản gồm: nhà đất tại thửa đất số 257 tờ bản đồ số 60, diện tích 1.228,4m^2 (200m^2 đất ở, 1028,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất trồng lúa); thửa đất số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 (loại đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2; thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn G2, xã G, T, Bình Định.

Nay các ông bà yêu cầu chia các thửa đất trên theo quy định của pháp luật. Các ông bà Lê Thị V, Lê Thị B, Lê Hồng V, Lê Thị H và Lê Thị Q yêu cầu: phần thừa kế của các ông bà được nhận thì tặng cho lại cho em là Lê Hồng Pc, không yêu cầu phải thối lại bằng tiền. Ông Lê Hồng P yêu cầu chia di sản của cha mẹ theo quy định của pháp luật và nhận tặng cho các kỷ phần của anh chị. Ông yêu cầu nhận hiện vật.

Phần thừa kế của ông Lê Hồng V2 thì các ông bà yêu cầu Tòa án phân chia bằng hiện vật: chia cho ông V2 một phần diện tích đất đủ để cắt thửa (có ngôi nhà cấp 4) thuộc phía Tây thửa đất số 257 tờ bản đồ số 60. Nếu phần ông V2 được nhận nhiều hơn kỷ phần thừa kế theo quy định thì ông V2 phải thối lại phần chênh lệch cho ông Lê Hồng P, đối với ngôi nhà các ông bà thống nhất giao cho ông V2 sở hữu, không yêu cầu phải thối lại giá trị bằng tiền.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hồng V2 trình bày: ông thống nhất như trình bày của các chị em ông về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, người thừa kế và di sản mà cha mẹ để lại. Ông thống nhất yêu cầu phân chia di sản của chị em ông theo quy định của pháp luật, ông yêu cầu nhận hiện vật. Các tài sản trên đất của cha mẹ để lại ông không có đóng góp gì và và do 07 anh em thay phiên nhau quản lý di sản.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H1 trình bày: bà là vợ của ông Lê Hồng P. Vào năm 1993 vợ chồng bà ở trong hộ của cha mẹ chồng là Lê T (chết năm 2013) và bà Võ Thị L (chết năm 2004). Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ cha chồng đại diện hộ gia đình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho các thửa đất sau: thửa đất số 257 tờ bản đồ số 60, diện tích 1228,4m^2 (200m^2 đất ở, 1028,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất trồng lúa); thửa đất số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 (loại đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2; thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn G2, xã G, T, Bình Định.

Trong vụ án phân chia di sản thừa kế là các thửa đất trên bà yêu cầu nhận phần đất mà bà được cân đối giao quyền, bà yêu cầu nhận hiện vật để tặng cho cho chồng là Lê Hồng P; phần còn lại là di sản của cha mẹ chồng bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà đang quản lý các di sản trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu P1 trình bày: anh là con của ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị Hồng H. Vào năm 1993 anh ở trong hộ của ông bà nội là Lê T (chết năm 2013) và bà Võ Thị L (chết năm 2004) cùng ba mẹ anh. Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ ông nội anh đại diện hộ gia đình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 thửa đất trên. Nay các cô bác anh phân chia di sản thừa kế là các thửa đất trên anh yêu cầu nhận phần đất mà anh được cân đối giao quyền anh yêu cầu nhận hiện vật để tặng cho cho ba anh là Lê Hồng P; phần còn lại là di sản của ông bà nội anh thì anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần các tài sản trên các thửa đất trên đất anh không có đóng góp gì.

UBND xã G cung cấp: Thực hiên Nghị định 64/CP của chính phủ về cấp ruộng đất lâu dài cho người dân, hộ ông Lê T, bà Võ Thị L đại diện hộ gia đình đăng ký kê khai và được hội đồng giao quyền sử dụng ruộng đất xã G cân đối giao quyền cho 05 nhân khẩu thuộc hộ ông Lê T, bà Võ Thị L (gồm: ông Lê T, bà Võ Thị L, gia đình con Lê Hồng P, Nguyễn Thị Hồng H1 và Lê Hữu P1) - các thửa đất gồm: thửa đất số 257 tờ bản đồ số 60, diện tích 1228,4m^2 (200m^2 đất ở, 1028,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất trồng lúa); thửa đất số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 (loại đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2; thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn G2, xã G, T, Bình Định.

Theo kết quả định giá ngày 30/6/2022 thì:

Đất ở hạng 3 đơn giá nhà nước là: 203.500đ/m^2, có giá thị trường là: 1.500.000đ/m^2 (thửa số 257, tờ bản đồ số 60).

Đất ở hạng 4 có đơn giá nhà nước là: 187.000đ/m^2, có giá thị trường là: 1.200.000đ/m^2 (thửa số 252, tờ bản đồ số 60)

Đất trồng cây hàng năm khác có đơn giá là: 111.000đ/m^2

Giá thị trường đất trồng cây hàng năm khác:

+ Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60 có giá: 500.000đ/m^2.

+ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 60 có giá: 400.000đ/m^2.

Thửa đất số 276, tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2, loại đất lúa hạng 1, đơn giá: 71.000đ/m^2; giá trị: 60.208.000đ

Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2, loại đất lúa, hạng 1, đơn giá: 71.000đ/m^2; giá trị: 59.711.000đ

Ngôi nhà cấp 4 ông Lê T xây năm 1971, ông V1 sửa lại vào năm 1996:
+ Ngôi nhà cấp 4 có giá trị 68.708.640đ
+ Ngôi nhà cấp 4 phía sau có giá trị: 42.378.336đ
+ Sân xi măng có giá trị: 5.307.768đ

Trên đất có một số cây cối gồm:
+ 04 cây mãng cầu, giá: 160.000đ/ cây;
+ 01 cây nhãn, giá: 473.000đ/ cây;
+ 03 cây mai, giá: 210.000đ/cây;
+ 05 cây cau vua, giá: 525.000đ/ cây.
+ 01 cây vú sữa giá: 405.000đ/ cây và 01 cây có giá 225.000đ/cây
+ 01 cây dừa giá: 250.000đ/ cây
+ 01 cây vạn tuế giá: 1.090.000đ/ cây
+ 01 cây xoan giá: 137.000đ/ cây

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 610, 612, 620, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự:

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Lê T (chết năm 2013) là ngày 31/12/2043; thời điểm mở thừa kế của cụ Võ Thị L (chết năm 2004) là ngày 31/12/2034. Ngày 21/3/2022 các nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế. Như vậy, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ T, cụ L vẫn còn theo Điều 623 BLDS.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế các ông bà Lê Thị V, Lê Thị B, Lê Hồng V1, Lê Thị Q, Lê Hồng P, Lê Thị H.

- Xác định di sản của vợ chồng cụ Lê T, cụ Võ Thị L để lại là một phần các thửa đất gồm: thửa đất số 257 tờ bản đồ số 60, diện tích 1228,4m^2 (200m^2 đất ở, 1028,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất trồng lúa); thửa đất số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 (loại đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2 (đất lúa); thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn G2, xã G, T, Bình Định (hiện do vợ chồng ông P, bà H1 đang quản lý, sử dụng). Như vậy di sản hai

cụ T - L để lại gồm: 400m^2 đất ở; 1.163,08m^2 đất trồng cây hàng năm khác; 675,5m^2 đất lúa.

Các thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê T, bà Võ Thị L (gồm 05 nhân khẩu: cụ T, cụ L, ông P, bà H và anh Lê Hữu P1) do UBND huyện ký. Trên thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60 có một ngôi nhà cấp 4 do ông T bà L tạo lập vào năm 1971 bị hư hỏng nên vào năm 2016, ông V1 đã sửa chữa lại và giao ông P quản lý, sử dụng liên tục đến giờ. Các tài sản trên thửa đất này (nhà, sân, cây cối) do ông V1 xây dựng, ông P trồng, các đồng thừa kế không yêu cầu phân chia.

Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, ông Lê Hồng V1, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông Lê Hồng P được sở hữu sử dụng không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản.

Công nhận sự tự nguyện phân chia hiện vật của các đương sự, đề nghị HĐXX: giao ông Lê Hồng V2 được quyền sử dụng 340m^2 đất (trong đó: 40m^2 đất ở và 300m^2 đất trồng cây hàng năm khác) nằm phía Tây thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60 - có giá trị: 210.000.000đ; đồng thời giao ông V2 được sở hữu ngôi nhà cấp 4 trên đất mà không phải tính giá trị nhà thối lại cho bên kia. Ông V2 phải thối lại cho ông P số tiền chênh lệch so với kỷ phần được chia với số tiền là: 72.525.658đ. Giao ông Lê Hồng P được toàn quyền sở hữu, sử dụng phần di sản thừa kế còn lại của hai cụ T - L gồm: Phần còn lại của thửa đất số số 257 tờ bản đồ số 60, có diện tích 888,4m^2 (160m^2 đất ở, 728,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2 (ngoài di sản còn lại là phần ông P được cân đối giao quyền trong hộ) cho ông P sử dụng. Đối với việc bà H1, anh P1 tặng cho phần đất được Nhà nước cân đối giao quyền trong các thửa đất trên cho ông P nhưng không có đơn yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí, nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung. Tạm giao hai thửa đất (thửa số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất lúa) và thửa số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 - đất trồng cây hàng năm khác) cho ông P, bà H1, anh P1 quản lý, sử dụng.

Về án phí, chi phí định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, anh Lê Hữu P1 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Lê T (chết năm 2013), cụ Võ Thị L (chết năm 2004), ngày 21/3/2022 các ông bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, ông Lê Hồng V1, bà Lê

Thị Q, ông Lê Hồng P, bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T, cụ L là quyền sử dụng đất tại thôn G2, xã G, huyện T - theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vẫn còn.

[3] Về những người thừa kế của cụ Lê T và cụ Võ Thị L: Căn cứ quy định tại Điều 613, Khoản 1 Điều 651, Điều 652 BLDS có cơ sở để xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của hai cụ T - L là: Bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, ông Lê Hồng V1, bà Lê Thị Q, ông Lê Hồng P, ông Lê Hồng V2 và bà Lê Thị H (07 người con chung).

[4] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất: hai cụ Lê T và Võ Thị L để lại di sản chưa chia gồm một phần trong các thửa đất sau:

- Thửa đất số 257 tờ bản đồ số 60, diện tích 1.228,4m^2 (200m^2 đất ở, 1028,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác) trị giá: đ;

- Thửa đất số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất lúa) trị giá: đ;

- Thửa đất số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 (loại đất trồng cây hàng năm khác) trị giá: đ;

- Thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2 (đất lúa) trị giá: đ;

- Thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác) trị giá đ.

Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn G2, xã G, T, Bình Định, (hiện do vợ chồng ông P, bà H1 đang quản lý, sử dụng). Tổng diện tích đất ở là: 400m^2; tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 2.907,7m^2; tổng diện tích đất lúa là 1.689m^2. Như vậy di sản hai cụ T - L để lại gồm: 400m^2 đất ở (trị giá: 540.000.000đ); 1.163,08m^2 đất trồng cây hàng năm khác (trị giá: 374.352.800đ); 675,6m^2 đất lúa (trị giá: 47.967.600đ).

Các thửa đất trên đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện cấp cho hộ cụ Lê T, tại thời điểm giao quyền sử dụng hộ có 05 nhân khẩu gồm: cụ T, cụ L, ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị Hồng H1 và anh Lê Hữu P1. Trên thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60 có một ngôi nhà cấp 4 do ông T bà L tạo lập vào năm 1971 bị hư hỏng nên vào năm 2016, ông V1 đã sửa chữa lại và giao ông P quản lý, sử dụng liên tục đến giờ. 02 cụ Lê T và Võ Thị L chết không để lại di chúc. Ngoài ra 02 cụ Lê T và Võ Thị L không còn để lại tài sản nào khác. Đây là tình tiết mà cả nguyên đơn, bị đơn và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Phân chia di sản theo trị giá: một kỷ phần thừa kế của hai cụ T - L gồm: 57,142m^2 đất ở (400m^2/7) có giá trị: 77.142.857đ + 166,154m^2 đất trồng cây hàng năm khác (1.163,08m^2/7) có giá trị: 53.478.971đ + 96,5m^2 đất lúa (675,5m^2/7) có giá: 6.852.514. Tổng giá trị một kỷ phần bằng: 137.474.342đ.

[5] Phân chia di sản bằng hiện vật: các đương sự yêu cầu Tòa án phân chia di sản cho ông Lê Hồng V2 bằng hiện vật, các nguyên đơn thống nhất đề nghị Tòa án phân chia phần ông V2 là diện tích đất đủ điều kiện để tách thửa nằm phía Tây thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60, giao cả ngôi nhà cấp 4 trên đất cho ông V2 sở hữu không yêu cầu ông V2 phải trả lại giá trị nhà. Yêu cầu này của các nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Các đương sự gồm bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, ông Lê Hồng V1, bà Lê Thị Q và bà Lê Thị H đều tặng cho kỷ phần của mình cho ông Lê Hồng P sở hữu sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản. Do đó, nghị nên phân chia như sau:

+ Giao ông Lê Hồng V2 được quyền sử dụng 340m^2 đất (trong đó: 40m^2 đất ở và 300m^2 đất trồng cây hàng năm khác) nằm phía Tây thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60 - có giá trị: 210.000.000đ; đồng thời giao ông V2 được sở hữu ngôi nhà cấp 4 trên đất mà không phải tính giá trị nhà thối lại cho ông P. Ông V2 phải thối lại cho ông P số tiền chênh lệch so với kỷ phần thừa kế được chia với số tiền là: 72.525.658đ.

+ Giao ông Lê Hồng P được toàn quyền sở hữu, sử dụng phần di sản thừa kế còn lại của hai cụ T - L gồm: 360m^2 đất ở, 863,08m^2 đất trồng cây hàng năm khác và 675,5m^2 đất lúa - có giá trị 824.846.052đ. Tương đương giao 03 thửa đất gồm: Phần còn lại của thửa đất số số 257 tờ bản đồ số 60, có diện tích 888,4m^2 (160m^2 đất ở, 728,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2 (ngoài di sản còn lại là phần ông P được cân đối giao quyền trong hộ). Cây cối trên đất do ông P trồng trọt. Các đương sự không yêu cầu gì, nên giao lại cho ông P toàn quyền sở hữu, sử dụng.

[6] Đối với việc bà Nguyễn Thị Hồng H1, anh Lê Hữu P1 tặng cho phần đất được Nhà nước cân đối giao quyền trong các thửa đất trên cho ông P nhưng không có đơn yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí, nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung. Tạm giao hai thửa đất (thửa số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất lúa) và thửa số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 - đất trồng cây hàng năm khác) cho ông P, bà H1, anh P1 quản lý, sử dụng.

[7] Giá trị di sản ông V2 được nhận: 137.474.342đ. Tổng giá trị di sản ông P được nhận: 824.846.052đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cần buộc các bên được nhận phần di sản phải chịu án phí trên giá trị di sản được nhận, theo đó cần buộc:

Ông Phúc phải nộp: 36.000.000đ + (24.846.052đ x 3%) = 36.745.381đ.

Ông V2 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[9] Về chi phí định giá: 3.500.000đ. Ông Lê Hồng P được nhận phần lớn di sản (6/7) nên phải chịu 3.000.000đ, ông Lê Hồng V2 phải chịu 500.000đ, ông P đã dự nộp, cần buộc ông V2 phải giao lại ông Phúc 500.000đ.

[10] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, ông Lê Hồng V1, bà Lê Thị Q, ông Lê Hồng Pvà bà Lê Thị H:

1.1. Giao ông Lê Hồng V2 được quyền sử dụng 340m^2 đất (trong đó: 40m^2 đất ở và 300m^2 đất trồng cây hàng năm khác) nằm phía Tây thửa đất số 257, tờ bản đồ số 60 - có giá trị: 210.000.000đ; đồng thời giao ông V2 được sở hữu ngôi nhà cấp 4 trên đất mà không phải tính giá trị nhà thối lại cho ông P. Ông V2 phải thối lại cho ông P số tiền chênh lệch so với kỷ phần thừa kế được chia với số tiền là: 72.525.658đ.

1.2. Giao ông Lê Hồng P được toàn quyền sở hữu, sử dụng phần 03 thửa đất gồm: Phần còn lại của thửa đất số số 257 tờ bản đồ số 60, có diện tích 888,4m^2 (160m^2 đất ở, 728,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 252 tờ bản đồ số 60, diện tích 937,3m^2 (200m^2 đất ở, 737,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 211 tờ bản đồ số 30, diện tích 841m^2 (ngoài di sản còn lại là phần ông P được cân đối giao quyền trong hộ). Ông P được toàn quyền sở hữu các cây cối trên đất (do ông P trồng).

(Các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Định. Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

1.3. Tách yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H1, anh Lê Hữu P1 về việc tặng cho phần đất được Nhà nước cân đối giao quyền trong các thửa đất trên cho ông P - ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung. Tạm giao hai thửa đất còn lại (thửa số 276 tờ bản đồ số 42, diện tích 848m^2 (đất lúa) và thửa số 879, tờ bản đồ số 30, diện tích 1142m^2 - đất trồng cây hàng năm khác) cho ông P, bà H1, anh P1 quản lý, sử dụng.

2. Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hồng P phải nộp: 36.745.381đ. Nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007301 ngày 09/6/2022; ông P còn phải nộp tiếp 36.445.381đ (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng*).

Ông Lê Hồng V2 được miễn nộp án phí (vì là người cao tuổi).

2.2. Về chi phí định giá: Ông Lê Hồng P phải chịu 3.000.000đ (đã nộp xong), ông Lê Hồng V2 phải giao lại ông Phúc 500.000đ.

3. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam